

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2017  
CHUYÊN NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH

| Stt | SDB     | Họ và            | Tên    | Năm sinh   | Điểm   |                   |              |              | Ghi chú |
|-----|---------|------------------|--------|------------|--------|-------------------|--------------|--------------|---------|
|     |         |                  |        |            | Đại số | Toán<br>giải tích | Tiếng<br>Anh | Tổng<br>cộng |         |
| 1   | A.00002 | Phạm Đình        | Anh    | 01.01.1993 | 7.50   | 6.75              | 56           | 14.25        |         |
| 2   | A.00004 | Trần Hồng        | Dân    | 04.03.1982 | 7.25   | 7.25              | 78           | 14.50        |         |
| 3   | A.00005 | Đỗ Thành         | Đạo    | 19.06.1982 | 6.50   | 6.00              | 65           | 12.50        |         |
| 4   | A.00006 | Hoàng Bá         | Đạt    | 06.09.1980 | 7.00   | 6.00              | 55           | 13.00        |         |
| 5   | A.00007 | Nguyễn Thị       | Dung   | 08.11.1980 | 7.00   | 6.00              | 53           | 13.00        |         |
| 6   | A.00008 | Trần Trung       | Hiếu   | 06.12.1993 | 6.00   | 6.00              | Miễn         | 12.00        |         |
| 7   | A.00010 | Đặng Thị Tuyết   | Hồng   | 08.04.1982 | 6.75   | 6.25              | 55           | 13.00        |         |
| 8   | A.00011 | Nguyễn Mạnh      | Hùng   | 28.06.1991 | 6.75   | 6.25              | 64           | 13.00        |         |
| 9   | A.00012 | Đinh Thị         | Lan    | 29.07.1995 | 6.00   | 6.25              | Miễn         | 12.25        |         |
| 10  | A.00013 | Trần Quỳnh       | Mai    | 16.08.1989 | 5.75   | 6.50              | 64           | 12.25        |         |
| 11  | A.00014 | Nguyễn Tiến      | Mạnh   | 18.09.1995 | 6.75   | 5.25              | Miễn         | 12.00        |         |
| 12  | A.00015 | Hoàng Thanh      | Ngọc   | 08.12.1981 | 6.00   | 6.00              | 56           | 12.00        |         |
| 13  | A.00016 | Nguyễn Phi Thanh | Phong  | 18.07.1980 | 6.75   | 6.00              | 52           | 12.75        |         |
| 14  | A.00017 | Trần Minh        | Phúc   | 19.05.1995 | 6.25   | 5.00              | Miễn         | 11.25        |         |
| 15  | A.00018 | Nguyễn Hoài      | Phương | 22.11.1995 | 8.00   | 5.50              | Miễn         | 13.50        |         |



*Handwritten signature*

|    |         |                   |       |            |      |      |      |       |             |
|----|---------|-------------------|-------|------------|------|------|------|-------|-------------|
| 16 | A.00019 | Nguyễn Xuân       | Quân  | 16.12.1989 | 8.00 | 6.50 | 57   | 14.50 |             |
| 17 | A.00020 | Nguyễn Ngọc       | Sang  | 20.04.1982 | 6.50 | 6.75 | 59   | 13.25 | Khiển trách |
| 18 | A.00021 | Nguyễn Thành      | Tâm   | 23.04.1995 | 7.25 | 6.00 | Miễn | 13.25 |             |
| 19 | A.00022 | Lê Bá             | Thông | 03.10.1995 | 6.50 | 5.50 | Miễn | 12.00 |             |
| 20 | A.00023 | Văn Thị Bích      | Thủy  | 17.01.1980 | 7.50 | 6.00 | 64   | 13.50 |             |
| 21 | A.00024 | Nguyễn Đức        | Tình  | 10.11.1990 | 6.50 | 7.25 | 68   | 13.75 |             |
| 22 | A.00025 | Hoàng Nguyễn Minh | Tuân  | 21.12.1995 | 8.00 | 6.50 | Miễn | 14.50 |             |
| 23 | A.00026 | Phạm Quốc         | Việt  | 21.09.1994 | 6.50 | 7.25 | Miễn | 13.75 |             |
| 24 | A.00027 | Bùi Thị Ngọc      | Anh   | 01.12.1979 | 6.75 | 7.50 | 77   | 14.25 |             |
| 25 | A.00028 | Bùi Quang         | Bồn   | 15.02.1981 | 6.50 | 6.00 | 62   | 12.50 |             |
| 26 | A.00029 | Trần Trung        | Chiến | 13.09.1989 | 6.50 | 6.50 | 77   | 13.00 |             |
| 27 | A.00030 | Ngô Văn           | Công  | 02.05.1980 | 6.75 | 6.00 | 60   | 12.75 |             |
| 28 | A.00031 | Lê Văn            | Coóng | 24.05.1984 | 6.75 | 6.25 | 64   | 13.00 |             |
| 29 | A.00032 | Nguyễn Huy        | Đạt   | 10.09.1982 | 7.00 | 6.75 | 56   | 13.75 |             |
| 30 | A.00033 | Lê Anh            | Đông  | 21.07.1990 | 6.25 | 6.00 | 55   | 12.25 |             |
| 31 | A.00034 | Bùi Xuân          | Hai   | 06.03.1981 | 7.00 | 7.25 | 59   | 14.25 |             |
| 32 | A.00035 | Trình Văn         | Hòa   | 23.10.1979 | 6.50 | 6.75 | 68   | 13.25 |             |
| 33 | A.00036 | Đỗ Quang          | Hưng  | 22.06.1979 | 6.00 | 7.00 | 62   | 13.00 |             |
| 34 | A.00037 | Phan Thị Thu      | Hương | 28.05.1985 | 6.50 | 7.00 | 77   | 13.50 |             |
| 35 | A.00038 | Hoàng Văn         | Lưu   | 30.01.1983 | 6.50 | 7.00 | 59   | 13.50 |             |
| 36 | A.00039 | Nguyễn Văn        | Quốc  | 11.10.1976 | 8.00 | 5.50 | 61   | 13.50 |             |
| 37 | A.00040 | Phạm Văn          | Quý   | 05.10.1979 | 7.50 | 6.75 | 70   | 14.25 |             |
| 38 | A.00041 | Nguyễn Viết       | Thanh | 04.03.1986 | 7.00 | 6.50 | 63   | 13.50 |             |
| 39 | A.00042 | Lê Thị            | Thanh | 25.12.1981 | 7.00 | 7.00 | 55   | 14.00 |             |

VA  
ONG  
HOC  
NGUYEN

Donp  
7

|    |         |                |       |            |      |      |    |       |             |
|----|---------|----------------|-------|------------|------|------|----|-------|-------------|
| 40 | A.00043 | Hà Văn         | Thời  | 14.11.1979 | 7.00 | 7.00 | 59 | 14.00 |             |
| 41 | A.00044 | Đoàn Minh      | Thuận | 22.11.1978 | 7.25 | 6.50 | 62 | 13.75 |             |
| 42 | A.00045 | Nguyễn Thị Thu | Thủy  | 16.05.1987 | 7.50 | 6.00 | 54 | 13.50 |             |
| 43 | A.00046 | Nguyễn Đức     | Tính  | 20.10.1973 | 5.75 | 7.00 | 60 | 12.75 | Khiển trách |
| 44 | A.00047 | Trương Bá      | Tình  | 28.05.1978 | 7.75 | 7.25 | 53 | 15.00 |             |

Danh sách gồm 44 thí sinh.

**Ghi chú:** - Điểm tổng cộng là tổng điểm của 2 môn cơ bản và cơ sở.

- Điểm trên đã bao gồm điểm trừ vi phạm quy chế.

- Khiển trách trừ 25% điểm toàn bài.



TRƯỜNG BAN CHẤM

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS-TS. Trần Trung Dũng

